

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày 15 - 5 - 2024
“V/v tranh chấp phường, hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thảo và ông Nguyễn Xuân Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về phường, hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim Th, sinh năm 1960; nơi cư trú: Xóm L Mậu 2, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm L Mậu 2, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Xóm L Mậu 3, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm L Mậu 3, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm L Mậu 2, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm L Mậu 2, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị Kim Th trình bày:

Năm 2012 bà có tham gia một số dây phường do bà Trần Thị Ph là chủ phường (cụ thể bao nhiêu dây phường bà cũng không nhớ rõ); có dây phường bà tham gia ít nhất là một suất và có dây nhiều nhất là ba suất. Mục đích của việc tham gia phường là để giúp đỡ nhau làm kinh tế. Tuy nhiên, sau một thời gian do phường bị biến tướng, một số con phường đã hót phường nhưng không chịu đóng tiếp mà bỏ trốn nên phường bị vỡ. Trước khi tham gia phường tất cả các con phường và chủ phường có tổ chức họp và thống nhất cách thức, số người tham gia, số tiền đóng phường, thời gian họp phường và hình thức mua phường; ai mua cao nhất thì người đó trúng bằng hình thức bỏ phiếu. Sau khi các con phường đã nộp đủ tiền phường thì tiến hành bỏ phiếu mua phường và trích 1% cho chủ phường. Chủ phường là người đứng ra tổ chức phường và là người chịu trách nhiệm thu tiền tiền phường từ các con phường và giao tiền cho người trúng phường.

Một số dây phường mà bà tham gia đã được bóc và cũng đã đóng đầy đủ; còn một số dây phường bà đã tham gia đóng nhưng chưa được bóc phường. Sau đó do phường bị vỡ nên phải tạm dừng các dây phường đang đóng dở. Các dây phường do bà tham gia với bà Ph, bà đã đóng tổng số tiền là 1.026.700.000đồng (một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và đã bóc được phường với số tiền: 445.700.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền phường mà bà Ph đang còn nợ bà là 418.320.000đồng. Tuy nhiên, do bà Ph đang gặp khó khăn nên bà chỉ yêu cầu bà Ph phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền phường mà bà Ph đang nợ là 350.000.000đồng và không yêu cầu lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án bà có thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà Ph phải trả cho bà số tiền phường còn nợ tổng cộng là 200.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2023 bị đơn bà Trần Thị Ph trình bày:

Bà là người đứng ra tổ chức thành lập phường từ năm 2011 đến tháng 7/2013 (dương lịch), phường do bà làm chủ. Những người tham gia phường trên tinh thần tự nguyện, phường có lãi và mua phường bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó trúng. Chủ phường được hưởng 1% hoa hồng trong tiền lãi mua phường để ghi chép và lập sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên nộp

phường và giao cho người trúng phường. Ngày 15/7/2013 do một số thành viên đã bốc phường nhưng bỏ trốn và không tiếp tục nộp phường nên phường bị vỡ. Bà Trương Thị Kim Th là một trong số thành viên tham gia phường do bà làm chủ. Bà Th có tham gia khoảng 40 dây phường nhưng bà không nhớ cụ thể từng dây phường. Đối với các dây phường bà Th tham gia có dây thì 2 suất có dây thì 3 suất. Số tiền cụ thể mà bà Th tham gia tại phường của bà và số tiền phường mà bà Th chưa nhận là bao nhiêu bà không nhớ rõ mà chỉ ước tính số tiền của bà Th đang đương phường gốc khoảng 200.000.000đồng. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền phường gốc là 350.000.000đồng bà không đồng ý. Bà cho rằng số tiền phường bà còn nợ bà Th là 200.000.000đồng chứ không phải 350.000.000đồng. Tuy nhiên, đây là số tiền do bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Hồng Tr (tức là những có phường đã bốc phường mà chưa nộp lại cho bà) chứ không phải bà lấy của bà Th. Do đó, bà yêu cầu đưa những người này tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan để những người này chịu trách nhiệm trả phường cho bà Th thay cho bà. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2024 bà Trần Thị Ph thừa nhận số tiền phường của bà Trương Thị Kim Th chưa nhận tại phường của bà là 200.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Trần Thị Hồng L trình bày: Bà có tham gia phường do bà Trần Thị Ph làm chủ phường. Quá trình tham gia thì phường đã tuyên bố dừng phường (vỡ phường) từ lâu nên bà không nhớ rõ quá trình tham gia phường cụ thể như thế nào. Sau khi vỡ phường bà đã bàn giao toàn bộ nhà cửa đất đai cho các chủ phường tự phân chia với nhau, giữa bà và các chủ phường đã tính toán xong xuôi bà không còn nợ phường của bất kỳ ai. Việc tham gia phường giữa bà Th và bà Ph như thế nào bà không rõ. Nay bà Ph cho rằng bà phải có trách nhiệm trả tiền phường cho bà Th thay bà Ph bà không đồng ý vì bà không tham gia phường, không nhận phường từ bà Th mà chỉ tham gia phường nộp phường và nhận phường từ chủ phường là bà Ph và giữa bà với bà Ph đã giải quyết xong.

Bà Nguyễn Thị Hồng Tr trình bày: Bà có tham gia phường do bà Trần Thị Ph làm chủ phường. Quá trình tham gia thì phường đã tuyên bố dừng phường (vỡ phường) từ lâu nên bà không nhớ rõ quá trình tham gia phường cụ thể như thế nào. Tuy nhiên, sau khi vỡ phường giữa bà với bà Trần Thị Ph đã chốt tiền phường với nhau. Sau khi dừng phường bà vẫn thanh toán tiền nợ phường cho các chủ phường. Đối với phường do bà Trần Thị Ph làm chủ có những ai tham gia bà không biết, bà cũng không biết có bà Trương Thị Kim Th tham gia phường và bà không biết bà Th là ai, bà cũng chưa khi nào giao nộp tiền phường hay nhận tiền phường từ bà Th mà chỉ nộp và nhận tiền phường từ bà Ph. Nay bà Ph cho rằng bà phải có trách nhiệm trả tiền phường cho bà Th thay bà, bà

không đồng ý. Về vấn đề tiền phưởng giữa bà với bà Ph nếu bà Ph yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ kiện khác bà sẽ trực tiếp đối chiếu với bà Ph.

Đối với bà Lê Thị S và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh quá trình giải quyết hai người này đều không có mặt tại địa phương đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ. Tòa án đã yêu cầu bà Ph cung cấp địa chỉ của bà S và bà Nh nhưng bà Ph chỉ cung cấp được địa chỉ của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập theo đúng địa chỉ mà bà Ph cung cấp nhưng bà Nh không có mặt tại địa chỉ này.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả cho Nguyên đơn 200.000.000đồng tiền phưởng do bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận số tiền nợ phưởng là 200.000.000đồng nhưng không thừa nhận trách nhiệm thanh toán mà yêu cầu người L quan có trách nhiệm trả thay cho bị đơn; hai bên không thỏa thuận được quan điểm giải quyết vụ án; không xuất trình thêm các tài liệu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu:

Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 17, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phưởng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim Th, buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Trương Thị Kim Th số tiền phưởng còn nợ là 200.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Ph phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trương thị Kim Th yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà số tiền nợ phưởng là 200.000.000đồng. Bị đơn bà Trần Thị Ph có nơi cư trú tại xóm L Mậu 3, xã Kim L, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp về phưởng, hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng

dân sự 2015 Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện bà Trương Thị Kim Th khai quá trình tham gia phường tại các dây phường do bà Trần Thị Ph làm chủ phường bà đã đóng tổng số tiền phường là 1.026.700.000đồng (một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và đã bóc phường với số tiền: 445.700.000đồng. Số tiền phường mà bà Ph còn nợ bà là 418.320.000đồng nhưng bà yêu cầu bà Ph thanh toán cho bà 350.000.000đồng. Quá trình giải quyết bà Th thay đổi yêu cầu đề nghị bà Ph phải trả cho bà 200.000.000đồng và không yêu cầu lãi suất. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện trước phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải và không vượt quá yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng ý. Do đó, chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Vào khoảng từ năm 2011 đến tháng 7/013 (âm lịch) bà Trương Thị Kim Th có tham gia một số dây phường do bà Trần Thị Ph làm chủ phường. Sau khi tham gia phường được một thời gian do phường bị vỡ nên bà Trần Thị Ph còn nợ bà Trương Thị Kim Th số tiền phường là 200.000.000đồng. Bà Trương Thị Kim Th, bị đơn bà Trần Thị Ph đều thừa nhận số tiền này là tiền phường mà bà Ph đang nợ bà Th nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị Kim Th và bà Trần Thị Ph đều khẳng định: Bà Th có tham gia một số dây phường do bà Trần Thị Ph làm chủ, phường có lãi, hình thức mua phường là bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó trúng phường và được quyền bóc phường, chủ phường được hưởng 1% hoa hồng để ghi chép sổ phường, thu tiền phường từ các thành viên tham gia phường và giao tiền phường cho thành viên trúng phường. Sau một thời gian hoạt động phường bị vỡ, bà Ph tuyên bố dừng phường. Số tiền phường mà bà Ph còn nợ bà Th là 200.000.000đồng. Tuy nhiên, bà Ph cho rằng số tiền này là do các con phường khác gồm bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Trần Thị Hồng L và bà Lê Thị S đang nợ bà nên bà yêu cầu Tòa án đưa những con phường này vào tham gia tố tụng trong vụ án để những người này có trách nhiệm trả nợ cho bà Trương Thị Kim Th thay bà.

Căn cứ quy định tại Điều 5; Điều 24 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường thì chủ phường là người tổ chức phường, thu phường và giao phường cho thành viên được lĩnh phường trong mỗi kỳ mở phường cho đến khi kết thúc phường. Có trách nhiệm thu phường của các thành viên tham gia phường để giao cho thành viên trúng phường. Các dây phường do bà Trần Thị Ph làm chủ phường đều có lãi. Bà Ph được hưởng 1% hoa hồng từ số tiền lãi mà người mua được phường

trả. Việc không thu được tiền của một số thành viên tham gia phường nên bà Trần Thị Ph đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận như quy định tại Điều 5, Điều 15, Điều 27 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP và bà Ph phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 302, Điều 304 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Mặt khác, bà Nguyễn Thị Hồng Tr và bà Trần Thị Hồng L đều thừa nhận có tham gia phường do bà Ph làm chủ phường. Tuy nhiên, giữa bà Ph, bà Tr và bà L, bà Th là quan hệ chủ phường với các thành viên khác tham gia phường. Họ nộp, nhận và chốt tiền phường với chủ phường chứ không giao dịch với các thành viên khác của phường, giữa các thành viên tham gia phường không quen biết nhau và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác nên việc bà Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Trần Thị Hồng L và bà Lê Thị S phải có trách nhiệm trả nợ phường cho bà Th thay bà là không có căn cứ. Hơn nữa, bà Trần Thị Phương cũng xác nhận số tiền phường còn nợ bà Trương Thị Kim Th là 200.000.000đồng. Do đó cần buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Trương Thị Kim Th số tiền 200.000.000đồng là có căn cứ.

Trong trường hợp bà Trần Thị Ph có căn cứ chứng minh những người tham gia chơi phường khác (thành viên phường) còn nợ tiền phường do bà làm chủ phường thì bà Ph có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Ph phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 17, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim Th, buộc bà Trần Thị Ph phải trả cho bà Trương Thị Kim Th số tiền phường còn nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bà Trần Thị Ph phải chịu 10.000.000 (Mười triệu đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi Cục THADS huyện Nam Đàn;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Phương